

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2019/DS-PT
Ngày 14 - 5 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hải

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2. Bà Phạm Thị Mai Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố H. .

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng, kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H. xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1136/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình T. , Thành phố H. bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1176/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Thông báo hoãn phiên tòa số 2560/TB-TA ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H. , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L. , sinh năm 1982.

Địa chỉ: Căn hộ 9.12, chung cư Khang Phú, số 67, đường Huỳnh Thiệu L. , phường Hòa Thạnh, quận Tân P. , Thành phố H. .

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Tấn Q. , sinh năm 1965, địa chỉ: Số 17B, cư xá 304, Phường 25, quận Bình Th. , Thành phố H. , là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có công chứng số 25381 ngày 07/9/2017 tại Văn phòng Công chứng Tân P.).

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị H. , sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 381/20/10, đường Tân Hòa Đông, khu phố 9, phường Bình Trị Đông, quận Bình T. , Thành phố H. .

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoài Bảo, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 158, đường Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình T. , Thành phố H. , là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có công chứng số 4974 ngày 08/5/2018 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc Cường).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ông Nguyễn Văn B. , sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 381/20/10, đường Tân Hòa Đông, khu phố 9, phường Bình trị Đông, quận Bình T. , Thành phố H. .

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn B. : Ông Nguyễn Hoài Bảo, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 158, đường Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình T. , Thành phố H. , là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có công chứng số 4975 ngày 08/5/2018 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Quốc Cường).

3.2- Ông Phùng Thế D. , sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 9.12, Chung cư Khang Phú, số 67, đường Huỳnh Thiện L. , phường Hòa Thạnh, quận Tân P. , Thành phố H. .

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trịnh Thị H. .

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. , Thành phố H. .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Trần Tấn Q. trình bày:

Ngày 14/3/2017, bà Phạm Thị L. với bà Trịnh Thị H. và ông Nguyễn Văn B. có làm Giấy đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng 3.000m² đất, thuộc thửa đất số 807, số 419, tờ bản đồ số 07, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố H. , theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S951550, số vào sổ 2700/QSDD/Q3, cấp ngày 03/5/2001, đăng ký thay đổi ngày 17/4/2017, với giá chuyển nhượng 11.900.000.000 đồng, bà Linh có đặt cọc cho bà Hai số tiền 1.900.000.000 đồng vào ngày 14/3/2017. Theo thỏa thuận trong Giấy đặt cọc, ngày 29/5/2017 hai bên sẽ ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng và bà Linh giao đủ số tiền 10.000.000.000 đồng còn lại cho bà Hai.

Nhưng sau khi đặt cọc tiền cho bà Hai, bà Linh mới biết phần đất trên đang có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố H. .

Theo Thông báo số 2151/TB-CABC(ĐTTH) ngày 03/11/2011 của Công an huyện Bình Chánh thì ngày 29/11/2010 bà Trịnh Thị H. đã chuyển nhượng 3.000m² đất thuộc thửa số 807, 419 cho ông Nguyễn Minh Hùng và bà Hai đã làm giấy sang nhượng nhận tiền cọc, bà Hai còn ký khống 05 bộ hồ sơ sang nhượng đất đưa cho ông Hùng đi sang nhượng cho người khác và ông Hùng đã sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Huệ và ông Nguyễn Văn Lợi. Trong khi chưa giải quyết xong tranh chấp thì bà Hai lại tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng 3.000m² đất cho bà Phạm Thị L. . Sự việc tranh chấp này bà Linh hoàn toàn không biết và bà Hai cũng không thông báo tình hình tranh chấp cho bà Linh biết.

Do bà Hai đã vi phạm nghĩa vụ thông báo tình trạng pháp lý của thửa đất đang có tranh chấp, có lỗi khiến cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không tiến hành được và gây thiệt hại cho bà Linh. Nay bà Linh yêu cầu bà Hai phải hoàn trả ngay số tiền đặt cọc 1.900.000.000 đồng và tiền phạt cọc 1.900.000.000 đồng.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Hoài Bảo trình bày:

Nội dung ký kết giấy đặt cọc đúng như nguyên đơn trình bày. Ông Bảo xác nhận ngày 29/11/2010 bà Trịnh Thị H. có làm giấy sang nhượng 3.000m² đất, thuộc thửa đất số 807, 419, tờ bản đồ 07, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh cho ông Nguyễn Minh Hùng. Bà Hai đã nhận của ông Hùng số tiền 300.000.000 đồng, số còn lại giao vào ngày 29/02/2014 và bà Hai có ký khống 05 bộ hồ sơ giao cho ông Hùng để ông Hùng sang nhượng, nhưng ông Hùng bỏ trốn không thực hiện tiếp hợp đồng. Do bà Linh từ chối ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 3.000m² đất vào ngày 29/5/2017, bà Linh đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn theo Giấy đặt cọc ngày 14/3/2017. Nay bà Hai không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Linh, bà Hai đồng ý để bà Linh tiếp tục thực hiện hợp đồng, nếu bà Linh không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì xem như bà Linh mất số tiền 1.900.000.000 đồng đã đặt cọc.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm, ông Nguyễn Văn B. do ông Nguyễn Hoài Bảo đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn B. thống nhất với yêu cầu của bà Trịnh Thị H. , ông Ba không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm, ông Phùng Thế D. trình bày:

Ông Dũng xác định số tiền 1.900.000.000 đồng là của riêng bà Phạm Thị L. . Ông Dũng thống nhất với yêu cầu của bà Linh, không có ý kiến hay yêu cầu gì

thêm. Vì bận công việc làm ăn nên ông xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1136/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình T. đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. ;

Hủy Giấy đặt cọc ngày 14/3/2017 giữa bà Phạm Thị L. và bà Trịnh Thị H. , ông Nguyễn Văn B. .

Buộc bà Trịnh Thị H. , ông Nguyễn Văn B. trả cho bà Phạm Thị L. số tiền 3.800.000.000 đồng (ba tỷ tám trăm triệu đồng). Trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền;

Kể từ ngày bà Linh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hai, ông Ba không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Linh, ông Ba còn phải chịu thêm tiền lãi được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Bà Trịnh Thị H. , ông Nguyễn Văn B. phải chịu 108.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị L. 54.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001383 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình T. , Thành phố H. .

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 06/12/2018, bị đơn bà Trịnh Thị H. có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 07/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. có Quyết định số 440/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 1136/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình T. , Thành phố H. theo hướng hủy án và giao lại cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Các bên đều thừa nhận và thống nhất giao dịch dân sự về hợp đồng đặt cọc ngày 14/3/2017 bị vô hiệu do lỗi cả hai bên. Để giải quyết hậu quả vô hiệu, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, cụ thể như sau:

Bị đơn đồng ý trả lại và nguyên đơn đồng ý nhận lại số tiền đặt cọc 1.900.000.000 đồng và không tính tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian trả tiền, được trả trong 03 đợt, đợt 1 trả 1.000.000.000 đồng vào ngày 01/7/2019, đợt 2 trả 500.000.000 đồng vào ngày 01/8/2019, đợt 3 trả 400.000.000 đồng còn lại vào

ngày 01/9/2019, việc giao nhận tiền do các bên tự thực hiện hoặc thông qua cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. thay đổi yêu cầu tại Quyết định kháng nghị số 440/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07/12/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình T. , đồng thời phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H. như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định; quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. được thực hiện trong thời hạn luật định. Theo hồ sơ phúc thẩm thể hiện: Quyết định số 483 ngày 03/10/2018 về phân công Thẩm phán giải quyết vụ án và Thông báo số 01 ngày 31/10/2018 về đình chính khắc phục lỗi đánh máy, cho thấy phần sai sót về thủ tục tố tụng của Tòa án nhân dân quận Bình T. đã được khắc phục trước khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, nên phần kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. là không chính xác, do đó, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. rút phần kháng nghị này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định pháp luật thì thỏa thuận đặt cọc giữa các bên đã bị vô hiệu ngay từ thời điểm giao kết, hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về hủy giấy đặt cọc ngày 14/3/2017, bà Hai có trách nhiệm trả lại cho bà Linh 1.900.000.000 đồng thành 03 đợt. Nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, phù hợp với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. , nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình T. về giao dịch dân sự vô hiệu, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự và án phí tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét ngày 26/11/2018 Tòa án nhân dân quận Bình T. xét xử sơ thẩm và tuyên án, đến ngày 06/12/2018 bị đơn bà Trịnh Thị H. nộp đơn kháng cáo, thì đơn kháng

cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

Xét ngày 07/12/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. , Thành phố H. gửi Quyết định kháng nghị số 440/QĐKNPT-VKS-DS đề ngày 07/12/2018, kháng nghị được thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. và các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm để xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình T. .

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện có Thông báo sửa chữa biên bản hòa giải số 01 ngày 31/20/2018 và Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án số 483 ngày 03/10/2018, do đó, những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm ghi sai tên thẩm phán trong các văn bản tố tụng đã được khắc phục trước khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, đồng thời Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. có ý kiến về việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. là không chính xác và đã rút kháng nghị phần này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần này.

[2] Về nội dung:

Tại thời điểm phát sinh giao dịch đặt cọc vào ngày 14/3/2017, các bên đều biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S951550, số vào sổ 2700/QSĐĐ/Q3, cấp ngày 03/5/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho bà Trịnh Thị H. thể hiện thời hạn sử dụng đất đã hết hạn vào năm 2016 và thuộc loại đất trồng lúa, nên giao dịch này đã vi phạm Điểm d Khoản 1 điều 188 và Khoản 3 Điều 191 Luật đất đai năm 2013, do đó, theo quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch này đã bị vô hiệu ngay tại thời điểm giao kết đặt cọc, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm và Viện kiểm sát. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng thừa nhận giao dịch này bị vô hiệu. Tuy nhiên, về vấn đề Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phần yêu cầu phạt cọc của nguyên đơn là không có cơ sở, bởi lẽ dấu hiệu lừa dối của bị đơn che dấu việc tranh chấp chuyển nhượng quyền sử dụng đất với những người khác khi nhận tiền cọc để chuyển nhượng đất với nguyên đơn là không rõ ràng, nên kháng nghị phần này của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình T. là có cơ sở, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, do các đương sự đã tự thỏa thuận bị đơn trả lại tiền cọc đã nhận và nguyên đơn đồng ý nhận lại tiền cọc, các bên cũng thống nhất được thời hạn và phương thức trả tiền. Xét sự thỏa thuận này nhằm giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015, phù hợp với ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. , nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp

nhận và sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm được các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa và án phí dân sự phúc thẩm do bị đơn chịu toàn bộ là phù hợp quy định pháp luật theo Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 123, 131, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình T. , Thành phố H. về việc Tòa án nhân dân quận Bình T. chấp nhận phần yêu cầu phạt cọc 1.900.000.000 đồng của bà Phạm Thị L. là không có cơ sở.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1136/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Bình T. , Thành phố H. .

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Hủy bỏ Giấy đặt cọc ngày 14/3/2017 giữa bà Phạm Thị L. và bà Trịnh Thị H. , ông Nguyễn Văn B. .

Bà Trịnh Thị H. và ông Nguyễn Văn B. có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị L. số tiền đặt cọc đã nhận theo Giấy đặt cọc ngày 14/3/2017 là 1.900.000.000 đồng (*Một tỉ chín trăm triệu đồng*).

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc thông qua cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong ba đợt sau:

- Đợt 1: Trả 1.000.000.000 đồng (*Một tỉ đồng*) vào ngày 01/7/2019;
- Đợt 2: Trả 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) vào ngày 01/8/2019;
- Đợt 3: Trả 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) vào ngày 01/9/2019.

Bà Linh không tính tiền lãi phát sinh trong thời hạn trả tiền nêu trên.

Kể từ ngày bà Linh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hai và ông Ba không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Hai và ông Ba còn phải chịu

thêm tiền lãi được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do bà Trịnh Thị H. phải chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà Hai đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0030633 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình T. , Thành phố H. , bà Hai đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm là 54.000.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu đồng*). Bà Hai và ông Ba phải chịu 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bà Phạm Thị L. phải chịu 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 54.000.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu đồng*) mà bà Linh đã nộp theo Biên lai thu số 0001383 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình T. , bà Linh được nhận lại 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q. Bình T. , TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Bình T. , TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án ()

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hải